TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **26**/2018/DS-ST
Ngày: 07 -11 - 2018.
V/v: Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH S LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Tường Duy Bình.

2. Ông: Trần Chinh Chiến.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bình Phương, thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh S La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh S La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh S La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST –TCDS ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc: Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-TCDS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Lương T – Sinh năm 1967 và chị Nguyễn Thị L – Sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S; Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị T – Sinh năm 1927.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh S. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị T, Văn bản ủy quyền lập ngày 18/9/2018: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1956; Có mặt.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Anh Nguyễn Văn S – Sinh năm 1969; Có mặt.

- Chị Đỗ Thị N – Sinh năm 1965; Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị T– Sinh năm 1956; Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Vắng mặt.

- Địa chỉ: Đều ở tại Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh S.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1961;

- Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh S; Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1952.

- Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh T. Vắng mặt.

Văn phòng công chứng Đ.

Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn N, huyện M, tỉnh S.

Đại diện ông Đ – Công chứng viên - Trưởng văn phòng công chứng Đ; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L T bày như sau:

Ngày 09/12/2016, gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L có đồng ý nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà Lương Thị T (Chủ sử dụng diện tích đất), đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 002089, tại tờ bản đồ số 02, thửa đất 41, Tộc tiểu khu 2 thị trấn Mộc Châu (Nay là tiểu khu 10) thị trấn Mộc Châu, chiều rộng theo mặt đường QL 6 là 9,6m, chiều rộng phía sau là 9,8m, chiều dài là 27,5m, với số tiền 3.800.000.000đ (Ba tỷ, tám trăm triệu đồng). Gia đình anh T, chị L đã thanh toán đủ số tiền 3.800.000.000đ (Ba tỷ, tám trăm triệu đồng). Làm hợp đồng đặt cọc trước 2.200.000.000đ (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng) có công chứng.

Việc mua bán, chuyển nhượng các bên có làm Hợp đồng, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Thảo Nguyên (Nay là phòng công chứng Đ).

Anh T, chị L cũng đã được bà Lương Thị T cho xem Văn bản khai nhận di sản thừa kế có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 24/01/2017.

Ngày 26/4/2017 hai bên lập Hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất nêu trên, có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ.

Tuy nhiên khi gia đình anh, chị đang làm thủ tục tách và sang tên tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M thì ngày 18/6/2017 anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1969 con trai bà T và chị N là con dâu bà T có đơn gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất không đồng ý về việc bà T chuyển nhượng diện tích đất đó cho anh, chị. Do đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M không làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho gia đình anh được.

Thấy quyền lợi của gia đình anh, chị đã bị xâm phạm, nên vợ chồng anh T, chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi cho anh, chị.

Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình anh được sử dụng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng.

Trường hợp Văn bản khai nhận di sản thừa kế bị vô hiệu và không chuyển nhượng được diện tích đất đó thì anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị T phải chịu khoản tiền phạt cọc như Hợp đồng đặt cọc với số tiền là 2.200.000.000đ (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng) với mức phạt tiền đặt cọc là 3 lần, Hợp đồng này được Văn phòng công chứng Đ lập ngày 09/12/2016 chứng thực.

Bị đơn: Bà Lương Thị T bày:

Vào ngày 09/12/2016, tôi có chuyển nhượng cho vợ chồng anh T, chị L một nửa thửa đất là tải sản của vợ chồng tôi và ông T (ông T nay đã chết), diện tích đất chuyển nhượng tại Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh S.

Trước khi bán, chuyển nhượng các con trong gia đình tôi đã làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế giao cho tôi được toàn quyền sử dụng phần tài sản của ông T chết để lại, việc mua bán chuyển nhượng đất cho anh T, chị L có lập T Hợp đồng, có công chứng.

Sau khi chuyển nhượng anh T và chịL đã trả đủ cho tôi số tiền là 3.800.000.000đ (Ba tỷ, tám trăm triệu).

Nay anh S, anh Tcon trai tôi có ý kiến chỉ đồng ý cho tôi chuyển nhượng cho vợ chồng anh T, chị L 5m theo chiều rộng mặt đường QL 6.

Ngoài ra anh S có ý kiến là lúc ông (T) còn sống có nói cho anh S ½ diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc này Tôi có ý kiến như sau.

Việc anh S khai như vậy là không đúng, đất là của vợ chồng tôi, khi (Ông T) chết không để lại di chúc, chưa phân chia cho con nào hết, chính vì thế mới làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế cho tôi.

Còn việc chị N con dâu tôi (Vợ anh Nguyễn Văn T) có đơn T bày, tôi xác nhận là vợ chồng anh T, chị N ở với tôi, nhưng thực chất cũng không nuôi tôi, chính vì vậy tôi cũng chưa bao giờ tuyên bố cho vợ chồng anh T, chị N đất của vợ chồng tôi.

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết, không chấp nhận yêu cầu đề nghị của anh S, anh Trọng, chị N. Tôi vẫn giữ nguyên ý kiến là diện tích đất tôi đã chuyển nhượng, Tộc quyền sử dụng của vợ chồng anh T, chị L.

Do tôi hiện nay tuổi đã cao, sức đã yếu và tôi đã về ở với anh Tở quê (Thái Bình), do vậy tôi ủy quyền lại cho chị Nguyễn Thị T là con gái ruột của tôi thay mặt tôi giải quyết việc kiện này.

Nội dung tôi ủy quyền cho chị T giải quyết đó là, diện tích đất tôi đã chuyển nhượng cho gia đình anh T, chị L như trong Hợp đồng chuyển nhượng trong gia đình bà, các con bà không ai được cản trở, tranh chấp với anh T.

Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T T bày.

Trước khi lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế anh, chị em trong gia đình tôi đã bàn bạc với nhau là chuyển giao toàn bộ tài sản là đất mà bố tôi chết không để lại di chúc cho mẹ tôi là bà Lương Thị T quản lý.

Nguyên nhân phải làm thủ tục khai nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế là khi bị bắt thì anh T có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ tôi là Lương Thị T để thế chấp vay tiền với Ngân hàng Nông nghiệp và Nông thôn

huyện Mộc Châu, do anh T bị bắt nên anh T không còn khả năng trả nợ nên chúng tôi đã yêu cầu anh T viết giấy ủy quyền để mẹ tôi là Lương Thị T trả nợ cho Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, do vậy chúng tôi đã bàn với nhau lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế chuyển giao toàn bộ tài sản của bố tôi để lại cho mẹ tôi là Lương Thị T.

Do không có tiền trả nợ cho Ngân hàng nên chúng tôi bàn với mẹ tôi là chuyển nhượng cho gia đình anh T, chị L một ½ diện tích đất mà mẹ tôi được hưởng từ di sản của bố tôi để lại lấy tiền trả Ngân hàng.

Việc chữ ký của anh Nguyễn Văn T trong Văn bản khai nhận di sản thừa kế là do tôi ký, lý do tôi ký hộ là tôi đi thăm anh T tôi có nói với anh T về việc làm thủ tục khai nhận Văn bản di sản thừa kế cho mẹ để mẹ bán đất trả nợ cho anh T ở Ngân hàng (anh T nhất trí và bảo tôi ký hộ), sau đó tôi ký và nộp cho Văn phòng công chứng Đ làm thủ tục công chứng.

Là người được ủy quyền, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và gia đình anh T, chịL là hợp pháp.

Người có QLNVLQ: Chị Nguyễn Thị T bày.

Ngày 24/01/2017, bà T có làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế, tôi đồng ý ký tại Văn phòng công chứng Đ.

Việc mẹ tôi chuyển nhượng cho vợ chồng anh Trịnh Lương T ½ diện tích đất được nhận từ việc thừa kế tôi nhất trí, tôi không có tranh chấp gì giữa mẹ tôi với vợ chồng anh T.

Người có QLNVLQ: Chị Nguyễn Thị T bày.

Ngày 24/01/2017, bà T có làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế, tôi đồng ý ký tại Văn phòng công chứng Đ.

Việc mẹ tôi chuyển nhượng cho vợ chồng anh Trịnh Lương T ½ diện tích đất tôi không có tranh chấp gì, số tiền 3.800.000.000đ (Ba tỷ, tám trăm triệu đồng) bà T mẹ tôi có nhờ ba chị em gồm tôi, chị T, chị Tâm nhận hộ, trong số tiền này đã trả nợ cho anh Nguyễn Văn T, còn lại 50.000.000đ thì hiện anh S đang vay 30.000.000đ, tôi vay 20.000.000đ.

Người có QLNVLQ: Anh Nguyễn Văn T bày.

Ngày 24/01/2017, bà T có làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế, tôi đồng ý ký vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế.

Tuy nhiên tôi chỉ đồng ý cho mẹ tôi chuyển nhượng cho vợ chồng anh Trịnh Lương T 5m chiều rộng theo mặt đường QL 6.

Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S bày.

Vào năm 2016, tôi đang thụ án tại Trại giam Tân Lập – Phú Thọ, chị gái tôi là Nguyễn Thị T có đến và xin chữ ký dấu vân tay của tôi và có bảo tôi, bà (Tức mẹ tôi T) cho bán 5m đất.

Sau khi tôi chấp hành án xong trở về gia đình thì tôi thấy các chị tôi đã bán

đi 10m đất, trong đó có 5m đất ở của anh T nên tôi mới có đơn đề nghị không làm thủ tục tách cho gia đình anh T.

Về phần chuyển nhượng đất tôi chỉ nhất trí cho mẹ tôi chuyển nhượng 5m.

Tôi đề nghị Tòa án xem xét lại cho tôi chữ ký và dấu vân tay của anh trai tôi là Nguyễn Văn T trong Văn bản khai nhận di sản thừa kế.

Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị N bày:

Tôi là vợ của anh Nguyễn Văn T (Hiện đang bị tạm giam tại trại giam số 1, T phố Hà Nội, bị kết án tử hình), từ khi kết hôn vợ chồng tôi ở với mẹ chồng là bà Lương Thị T.

Việc bà T chuyển nhượng đất cho gia đình anh T, chịL, tôi không can thiệp, quá T chung sống tôi cũng có công sức cải tạo mảnh đất đó, nay bà T chuyển nhượng tôi đề nghị Tòa án xem xét buộc bà T cho mẹ con tôi 1.000.000.000đ (Một tỷ) đồng để mua đất làm nhà.

Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Đ.

Đại diện do ông Đặng Xuân M – Công chứng viên – Trưởng văn phòng T bày.

Ngày 24/01/2017, Văn phòng Công chứng Đ có tiếp nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Lương Thị T cùng các con bà Lương Thị T yêu cầu.

Do tôi là Trưởng văn phòng nên tôi không trực tiếp đi đến tận Trại tạm giam nơi giam anh S và anh T để làm thủ tục ký vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế, mà tôi giao cho đồng chí Hoàng Ngọc T là Công chứng viên phòng Công chứng Đ và đồng chí L là nhân viên trực tiếp đi làm các thủ tục ký với các bên.

Về nguyên tắc nếu đi làm khỏi trụ sở Văn phòng thì buộc phải có Công chứng viên đi cùng.

Lần thứ nhất đồng chí T, Công chứng viên và đồng chí L cán bộ Văn phòng Công chứng đi đến trại giam số 1 Công an thành phố Hà Nội làm thủ tục công chứng, nhưng không gặp được Nguyễn Văn T để làm việc. Mà chỉ làm việc được với anh Nguyễn Văn S ở trại giam Phú Thọ.

Lần thứ 2 thì chỉ có mình đồng chí L làm gặp Nguyễn Văn T, việc đồng chí L đi làm gặp Nguyễn Văn T đ/c L không báo với tôi nên tôi không nắm được. Sau này đồng chí L có T tôi ký.

Về nguyên tắc công chứng thì Công chứng viên sẽ phải gặp trực tiếp đối Tượng Nguyễn Văn T.

Còn trong lời chứng thì tôi (Mình) ký vì nhân viên đánh tên Công chứng viên nào thì Công chứng viên đó ký vào lời chứng. Chứ không phải là Công chứng viên làm trường hợp nào thì công chứng viên đó ký vào trường hợp đó.

Trường hợp Văn phòng Công chứng Đ có sai sót, vi phạm trong việc chứng thực thì trước tiên cá nhân nhân viên trực tiếp đi làm phải chịu trách nhiệm.

Như vậy trong Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập ngày 24/01/2017, nếu đồng chí L không trực tiếp đến trại giam nơi giam giữ anh T lấy chữ ký của anh

T mà có chữ ký trong Văn bản khai nhận di sản thừa kế là sai thì Văn phòng sẽ gặp các bên để giải quyết thương lượng.

Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Đ.

Chị Ngô Thị L (Nhân viên Văn phòng công chứng Đ) T bày.

Ngày 24/01/2017, Văn phòng Công chứng Đ có tiếp nhận hồ sơ khai nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế của hộ gia đình bà Lương Thị T cùng các con.

Trước khi lập lời chứng, do anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn T đều bị tạm giam, nên Văn phòng có cử tôi và đồng chí Hoàng Ngọc T là Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ đi làm thủ tục ký vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế. Chúng tôi có đến trại giam Phú Thọ nơi giam anh Nguyễn Văn S làm thủ tục khai nhận Văn bản di sản thừa kế. Sau đó chúng tôi có đến Trại giam số 1 thành phố Hà Nội làm thủ tục khai nhận Văn bản di sản thừa kế với anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên do thời điểm đó anh T đang có đơn kháng cáo chờ ngày xét xử nên chúng tôi không được gặp anh Nguyễn Văn T để làm thủ tục khai nhận Văn bản di sản thừa kế được.

Nguyên nhân lý do tôi làm thủ tục lời chứng trong Văn bản khai nhận di sản thừa kế là do bà Nguyễn Thị T (Chị gái anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn T) có T bày với tôi là chị T có trách nhiệm nhờ Luật sư cùng đi vào trại tạm giam để làm thủ tục cho anh T ký, do tôi tin Tởng nên tôi đã làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, làm thủ tục lời chứng của Công chứng viên.

Tóm lại tôi không cùng trực tiếp đi cùng với bà Nguyễn Thị T đến Trại giam nơi giam anh Nguyễn Văn T mà chỉ tin tưởng bà T mang tài liệu về cung cấp cho tôi.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 117, Điều 122 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 119, Điều 430, Điều 500, Điều 502 BLDS năm 2015. Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L về việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên bà Lương Thị T với vợ chồng anh Trịnh Lương T, chị Nguyễn Thị L lập ngày 26/4/2017 là hợp pháp.

Anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng với bà Lương Thị T có các vị trí, tứ cận tiếp giáp như sau.

- Phía Nam giáp QL 6 trừ hành lang giao thông tính từ tim đường đến phần đất nhận chuyển nhượng là 15,5m. Chiều rộng là 9,6m.

- Phía Bắc giáp nương bà Nguyễn Thị T rộng 9,8m.

- Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L có chiều dài là 27,5m.

- Phía Đông giáp nhà anh Nguyễn Văn S (Con trai bà Nguyễn Thị T) vừa mới xây trên diện tích đất của bà T có chiều dài là 27,5m.

Tổng diện tích đất là 266,75m^2.

Diện tích đất này nằm trong diện tích đất của bà Lương Thị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 002089, tại tờ bản đồ số 02, thửa đất 41, Thuộc tiểu khu 2 thị trấn M (Nay là tiểu khu 1) thị trấn M.

3. Buộc bà Lương Thị T, bà Nguyễn Thị T người được bà Lương Thị T ủy quyền có trách nhiệm cùng với gia đình anh Trịnh Lương T, Nguyễn ThịL đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu, làm các thủ tục đăng ký biến động, sang tên diện tích đất cho gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L theo đúng quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu đề nghị của anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn T chỉ đồng ý cho bà Lương Thị T chuyển nhượng cho gia đình anh Trịnh Lương T, chị Nguyễn ThịL 5m chiều rộng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị N, yêu cầu bà Lương Thị T phải cho mẹ con chị 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) trong vụ án này.

5. Tuyên hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/01/2017 là vô hiệu.

6. Văn phòng Công chứng Đ, không phải bồi thường thiệt hại cho gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L do Hợp đồng chuyển nhượng đất không thực hiện được vì Văn bản khai nhận di sản thừa kế bị vô hiệu.

Về án phí:

Đề nghị Tòa án tuyên trả lại cho anh Trịnh Lương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Lương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

Ngày 09/12/2016, anh Trịnh Lương T có đồng ý nhận chuyển nhượng một diện tích đất của bà Lương Thị T (Chủ sử dụng diện tích đất) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số A 002089, tại tờ bản đồ số 02, thửa đất 41, Tộc tiểu khu 2 thị trấn Mộc Châu (Nay là tiểu khu 10) thị trấn Mộc Châu, chiều rộng theo mặt đường QL 6 là 9,6m, chiều rộng phía sau là 9,8m, chiều dài là 27,5m, với số tiền là 3.800.000.000đ (Ba tỷ, tám trăm triệu đồng).

Trước khi nhận chuyển nhượng anh có làm Hợp đồng đặt cọc ngày 09/12/2016 có công chứng tại Văn phòng Công chứng Thảo Nguyên (Nay là phòng công chứng Đ) số tiền đặt cọc là 2.200.000.000đ (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng).

Ngày 24/01/2017 bà T cùng các con bà T lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế. Có công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ.

Ngày 26/4/2017, bà Lương Thị T cùng anh Trịnh Lương T làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau, Hợp đồng được lập tại Văn phòng Công chứng Đ.

Anh T và chịL đã thanh toán đủ cho bà Lương Thị T số tiền là 3. 800.000.000 đồng (Ba tỷ, tám trăm triệu đồng).

Khi anh Trịnh Lương T làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Mộc Châu thì ngày 18/6/2017 anh Nguyễn Văn Văn S con trai bà T và chị N là con dâu bà T có đơn gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất không đồng ý về việc bà T chuyển nhượng mảnh đất đó cho anh T, do đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Mộc Châu không làm thủ tục tách sang tên cho gia đình anh T được.

Quá T giải quyết vụ kiện, anh Nguyễn Văn S cho rằng chữ ký trong Văn bản khai nhận di sản thừa kế không phải là chữ ký của anh Nguyễn Văn T. Đề nghị Tòa án điều tra làm rõ.

Quá T giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T khai nhận chị là người ký tên T vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế, việc chị ký là do anh T nhờ ký.

[2] Căn cứ vào các tài liệu do gia đình anh Trịnh Lương T cung cấp.

Căn cứ vào các tài liệu Tòa án đã thu thập.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Tòa án nhận định như sau.

[3] Về quyền sử dụng và định đoạt của bà Lương Thị T.

Sau khi ông Nguyễn Minh T chết không để lại di chúc thì người thừa kế, được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 651 BLDS năm 2015 như sau.

Điều 651 Bộ luật dân sự. Người thừa kế theo pháp luật.

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây.

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.

Như vậy khi ông Nguyễn Minh T chết, không để lại di chúc thì bà Lương Thị T là vợ của ông Nguyễn Minh T sẽ đương nhiên được thừa kế theo toàn bộ diện tích đất 300m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 002089 tại tờ bản đồ số 02, thửa đất 41 do UBND tỉnh S cấp ngày 20/11/1992 diện tích đất tại tiểu khu 2 thị trấn M (Nay là tiểu khu 1) thị trấn M. Còn việc bà Lương Thị T chuyển nhượng diện tích đất trên cho gia đình anh T, chị L vẫn Thuộc trong phần diện tích đất của bà được hưởng. Bà Lương Thị T được quyền sử dụng, định đoạt được quyền tặng cho, chuyển nhượng bất kỳ ai, trừ các trường hợp trái với quy định của pháp luật.

[4] Xét việc bà Lương Thị T chuyển nhượng diện tích đất trên cho gia đình anh T, chị L.

Việc bà Lương Thị T chuyển nhượng diện tích đất của vợ chồng bà cho gia đình anh T, chị L là hoàn toàn tự nguyện, việc chuyển nhượng các bên đã làm đúng các thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 119, Điều 430, Điều 500, Điều 502 BLDS năm 2015 của pháp luật, nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu của anh S, anh T đề nghị chỉ đồng ý cho bà Lương Thị T chuyển nhượng cho vợ chồng anh T chị L 5m chiều rộng, như đã phân tích tại điểm a khoản 1 Điều 651, thì anh T và anh S không có quyền can thiệp vào việc chuyển nhượng đất của bà T.

Đối với yêu cầu đề nghị của chị N, yêu cầu bà Lương Thị T phải cho mẹ con chị 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), xét thấy không liên quan đến vụ kiện Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T, chị L và bà T mà liên quan đến việc kiện tranh chấp về thừa kế. Do vậy không giải quyết trong vụ kiện này mà giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu chị N có đủ căn cứ khởi kiện.

[6] Xét Văn bản khai nhận di sản thừa kế các bên đã lập. Căn cứ lời T bày của bà Nguyễn Thị T, căn cứ theo quy định của Luật Công chứng quy định tại khoản 5 Điều 40, Điều 44, khoản 1 Điều 48, Điều 58 Luật Công chứng năm 2014 thì T tự công chứng của Văn phòng Công chứng Đ đã có những vi phạm, không thực hiện đúng quy định.

Khoản 5 Điều 40 Luật Công chứng quy định. Công chứng hợp đồng, giao dịch đã được soạn thảo sẵn.

Trong trường hợp có căn cứ cho rằng trong hồ sơ yêu cầu công chứng có vấn đề chưa rõ, việc giao kết hợp đồng, giao dịch có dấu hiệu bị đe dọa, cưỡng ép, có sự nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng hoặc đối Tợng của hợp đồng, giao dịch chưa được mô tả cụ thể thì công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công

chứng, công chứng viên tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định; trường hợp không làm rõ được thì có quyền từ chối công chứng.

Điều 44 Luật Công chứng quy định. Địa điểm công chứng.

1. *Việc công chứng phải được thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*

2. Việc công chứng có thể được thực hiện ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu, không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.

Điều 48. Ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng.

1. Người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 117, Điều 127 BLDS năm 2015, các quy định của Luật công chứng năm 2014. Chính vì các vi phạm nêu trên nên Văn bản khai nhận di sản thừa kế được lập ngày ngày 24/01/2017 xác định là vô hiệu cần phải xử hủy.

Tuy nhiên, việc hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế không làm thay đổi Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà T và vợ chồng anh T, chị L vì ngày 09/12/2016, bà Lương Thị T đã đồng ý chuyển nhượng diện tích đất phần của bà đương nhiên được hưởng cho gia đình anh T, chịL, anh T chị L cũng đã nhất trí nhận chuyển nhượng diện tích đất đó với bà Lương Thị T, hai bên đã làm Hợp đồng đặt cọc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng đặt cọc có công chứng cùng ngày 09/12/2016. Tức là các bên đã thống nhất ý chí chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng là hoàn toàn phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, thì bà Lương Thị T đương nhiên được quyền định đoạt khối tài sản bà và của ông Nguyễn Minh T chết để lại cho bà, trước khi lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế.

[7] Quá trình giải quyết vụ kiện, bà Lương Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến với diện tích đất đã chuyển nhượng cho gia đình anh T, chị L không có ý kiến lấy lại và gia đình anh T, chị L cũng nhất trí tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng. Do đó Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị T và gia đình anh Trịnh Lương T, chị Nguyễn Thị L lập ngày 26/4/2017 vẫn có giá trị.

Để có căn cứ giao diện tích đất mà bà Lương Thị T đã chuyển nhượng cho gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L. Ngày 31/10/2018 Tòa án đã tiến hành quyết định xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đã chuyển nhượng xác định như sau.

- Phía Nam giáp QL 6 trừ hành lang giao thông tính từ tim đường đến phần đất nhận chuyển nhượng là 15,5m. Chiều rộng là 9,6m.

- Phía Bắc giáp nương bà Nguyễn Thị T rộng 9,8m.

- Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L có chiều dài là 27,5m.

- Phía Đông giáp nhà anh Nguyễn Văn S (Con trai bà Nguyễn Thị T) vừa mới xây trên diện tích đất của bà T có chiều dài là 27,5m. Tổng diện tích đất là 266,75m.

Do xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vẫn có hiệu lực không phụ thuộc vào Văn bản khai nhận di sản thừa kế mới có giá trị, nên Văn phòng công chứng Đ không phải bồi thường thiệt hại do Hợp đồng không thực hiện được.

Với các phân tích nêu trên, cần xử công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị T và vợ chồng anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L là hợp pháp.

Buộc bà Lương Thị T, bà Nguyễn Thị T người được bà Lương Thị T ủy quyền có trách nhiệm cùng với gia đình anh Trịnh Lương T, Nguyễn Thị L đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, làm các thủ tục sang tên diện tích đất cho gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết việc tuân thủ quy định pháp luật của Văn phòng Công chứng Đ.

[9] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn ThịL được chấp nhận nên anh T và chịL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 117, Điều 122 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 119, Điều 430, Điều 500, Điều 502 BLDS năm 2015. Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L về việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên bà Lương Thị T với vợ chồng anh Trịnh Lương T, chị Nguyễn Thị L lập ngày 26/4/2017 là hợp pháp.

Anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng với bà Lương Thị T có các vị trí, tứ cận tiếp giáp như sau.

- Phía Nam giáp QL 6 trừ hành lang giao thông tính từ tim đường đến phần đất nhận chuyển nhượng là 15,5m. Chiều rộng là 9,6m.

- Phía Bắc giáp nương bà Nguyễn Thị T rộng 9,8m.

- Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L có chiều dài là 27,5m.

- Phía Đông giáp nhà anh Nguyễn Văn S (Con trai bà Nguyễn Thị T) vừa mới xây trên diện tích đất của bà T có chiều dài là 27,5m^2.

Tổng diện tích đất là 266,75m^2.

Diện tích đất này nằm trong diện tích đất của bà Lương Thị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 002089, tại tờ bản đồ số 02, thửa đất 41, Tộc tiểu khu 2 thị trấn M (Nay là tiểu khu 1) thị trấn M.

Có sơ đồ đất chuyển nhượng kèm theo bản án.

3. Buộc bà Lương Thị T, bà Nguyễn Thị T người được bà Lương Thị T ủy quyền có trách nhiệm cùng với gia đình anh Trịnh Lương T, Nguyễn Thị L đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu, làm các thủ tục đăng ký biến động, sang tên diện tích đất cho gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L theo đúng quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu đề nghị của anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn T chỉ đồng ý cho bà Lương Thị T chuyển nhượng cho gia đình anh Trịnh Lương T, chị Nguyễn Thị L 5m chiều rộng.

5. Đối với yêu cầu của chị N sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác, khi chị có đơn yêu cầu.

6. Tuyên hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 24/01/2017 là vô hiệu.

7. Văn phòng Công chứng Đ không phải bồi thường thiệt hại cho gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn Thị L do Hợp đồng chuyển nhượng đất không thực hiện được.

8. Về án phí: Bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu.

Tuyên trả lại cho nguyên đơn anh Trịnh Lương T, chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai T tiền số 0000650 ngày 10/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh S La.

Báo cho các bên đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:
- TAND tỉnh S La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Sở T pháp S La ;
- Người có QLNVLQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP – TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Như Khánh

CÁC HỘI THẨM

Tường Duy Dình – Trần Chinh Chiến

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Như Khánh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH S LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mộc Châu, ngày 07 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …… giờ ……. phút, ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh S La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Chinh Chiến và ông Tờng Duy Bình.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 30/2018 /TLST- TCDS, ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc: Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Lương T – Sinh năm 1967 và chị Nguyễn ThịL – Sinh năm 1972; Có mặt.

Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S La.

- Bị đơn: Bà Lương Thị T – Sinh năm 1927.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh S La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Anh Nguyễn Văn Văn S – Sinh năm 1969 – Có mặt.

- Chị N – Sinh năm 1965 – Có mặt;

- Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1956 – Có mặt;

- Chị Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1968 – Vắng mặt.

- Địa chỉ: Đều ở tại Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh S La.

- Chị Nguyễn Thị Tâm, sinh năm 1961 – Có mặt.

- Địa chỉ: Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh S La.

- Anh Nguyễn Văn T– sinh năm 1952 – Vắng mặt.

- Địa chỉ: Thôn T Khê, xã Thăng Long, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Văn phòng công chứng Đ.

Địa chỉ: Tiểu khu 40, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh S La.

Đại diện ông Đặng Xuân Mình – Công chứng viên - Trưởng văn phòng công chứng Đ. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị T: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1956 – Có mặt;

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh S La.

Các bên đương sự, người đại diện theo uỷ quyền và người có quyền lợi nghãi vụ liên quan đều có mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về áp dụng điều luật:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 117, Điều 122 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 119, Điều 430, Điều 500, Điều 502 BLDS năm 2015. Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn ThịL về việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên bà Lương Thị T với vợ chồng anh Trịnh Lương T, chị Nguyễn ThịL lập ngày 26/4/2017 là hợp pháp.

Anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn ThịL được quyền sử dụng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng với bà Lương Thị T, tại tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu có các vị trí, tứ cận tiếp giáp như sau.

- Phía Nam giáp QL 6 trừ hành lang giao thông tính từ tim đường đến phần đất nhận chuyển nhượng là 15,5m. Chiều rộng là 9,6m.

- Phía Bắc giáp nương bà Nguyễn Thị T rộng 9,8m.

- Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Lan có chiều dài là 27,5m.

- Phía Đông giáp nhà anh Nguyễn Văn Văn S (Con trai bà Nguyễn Thị T) vừa mới xây trên diện tích đất của bà T có chiều dài là 27,5m.

Tổng diện tích đất là 266,75m.

Diện tích đất này nằm trong diện tích đất của bà Lương Thị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 002089, tại tờ bản đồ số 02, thửa đất 41, Tộc tiểu khu 2 thị trấn Mộc Châu (Nay là tiểu khu 10) thị trấn Mộc Châu.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

3. Buộc bà Lương Thị T, bà Nguyễn Thị T người được bà Lương Thị T ủy quyền có trách nhiệm cùng với gia đình anh Trịnh Lương T, Nguyễn ThịL đến Chi

nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu, làm các thủ tục đăng ký biến động, sang tên diện tích đất cho gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn ThịL theo đúng quy định của pháp luật. Biểu quyết 3/3 nhất trí.

4. Không chấp nhận yêu cầu đề nghị của anh Nguyễn Văn Văn S, anh Nguyễn Văn Tchỉ đồng ý cho bà Lương Thị T chuyển nhượng cho gia đình anh T, chịL 5m chiều rộng.

5. Đối với yêu cầu của chị N sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác. Biểu quyết 3/3 nhất trí.

6. Tuyên hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 24/01/2017 là vô hiệu.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

7. Văn phòng Công chứng Đ không phải bồi thường thiệt hại cho gia đình anh Trịnh Lương T và chị Nguyễn ThịL do Hợp đồng chuyển nhượng đất không thực hiện được. Biểu quyết 3/3 nhất trí.

8. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết việc tuân thủ quy định pháp luật của Văn phòng Công chứng Đ.

9. Về án phí: Bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu.

Tuyên trả lại cho nguyên đơn anh Trịnh Lương T, chị Nguyễn ThịL số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai T tiền số 0000650 ngày 10/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh S La.

Báo cho các bên đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Có sơ đồ diện tích đất chuyển nhượng kèm theo bản án.

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tường Duy Dình – Trần Chinh Chiến **Đỗ Như Khánh**